

# NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI KINH TẾ, QUẢN TRỊ KINH DOANH

**PGS.TS. Hoàng Văn Hoa**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 11 năm 2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006- 2020 đã xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của khoa học và công nghệ trong các trường đại học: “nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Các trường đại học phải là trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước...”.*

*Tuy nhiên, cho đến nay, nghiên cứu khoa học ở các trường đại học vẫn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của các trường đại học. Bài viết này bước đầu phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học ở một số trường đại học khối kinh tế dựa trên kết quả điều tra khảo sát ở năm trường đại học khối kinh tế: Trường đại học Kinh tế quốc dân (KTQD), Trường đại học Ngoại thương, Trường đại học Thương mại, Trường Đại học kinh tế thuộc Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học kinh tế TP. HCM.*

## **1. Khái quát thực trạng năng lực khoa học ở một số trường đại học khối kinh tế, quản trị kinh doanh**

Để đánh giá đúng thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) của các trường đại học, cần phải dựa vào nhiều tiêu chí khác nhau và phân tích có tính hệ thống. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung nêu lên hai yếu tố quan trọng nhất nhằm bước đầu đánh giá năng lực NCKH của các trường ĐH khối kinh tế, đó là: 1) số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và 2) kết quả thực hiện các đề tài NCKH.

### **1.1. Thực trạng năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học**

#### **1.1.1. Số lượng giảng viên, cán bộ nghiên cứu**

Từ kết quả điều tra, khảo sát một số trường ĐH và số liệu thông kê ở các trường ĐH khối kinh tế năm 2011, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

**Một là, số lượng và tỷ lệ giảng viên (GV) có chức danh khoa học là GS, PGS và trình độ tiến sỹ, thạc sỹ tuy đã tăng khá nhanh trong những năm gần đây, nhưng còn chiếm tỷ lệ thấp và thiếu đội ngũ cán bộ đầu ngành.** Tính đến đầu năm 2009, tính chung cả 5 trường đại học công lập khối kinh tế<sup>1</sup>, số giảng viên là GS, PGS và tiến sỹ chiếm tỷ lệ thấp. Chẳng hạn, năm 2009, Trường ĐH Thương mại, có 534 giảng viên cơ hữu, nhưng chỉ có 1 GS và 17 PGS, chiếm tỷ lệ 3,37%. Trường ĐH Ngoại thương: 390 giảng viên cơ hữu, có 2 GS và 10 PGS, chiếm tỷ lệ 3,07%,

Trường ĐH Kinh tế TP. HCM: 532 giảng viên cơ hữu, có 6 GS và 25 PGS, chiếm tỷ lệ 5,82%, Trường ĐH kinh tế - ĐH Đà Nẵng: 186 giảng viên cơ hữu, có 3 PGS, chiếm tỷ lệ 1,61% và Trường ĐH Kinh tế quốc dân<sup>2</sup>: 639 giảng viên cơ hữu, có 19 GS và 105 PGS, chiếm tỷ lệ 16,2%.

Số lượng giảng viên là tiến sỹ ở các trường ĐH khối kinh tế cũng còn ít và chiếm tỷ lệ thấp. Sau đây là số lượng cán bộ nghiên cứu ở 9 trường, khoa kinh tế:

Tính đến đầu năm 2009, Trường ĐH Thương mại có 99 tiến sỹ, chiếm 18,5%, Trường ĐH Ngoại thương có 46 tiến sỹ, chiếm 11,8%; Trường ĐH kinh tế - Đại học Đà Nẵng có 37 tiến sỹ, chiếm 19,89%; Trường ĐH KTQD có 230 tiến sỹ, chiếm 36%; Trường ĐH Kinh tế TP.HCM có 139 tiến sỹ, chiếm 26,1%<sup>2</sup>. Ở các trường/khoa kinh tế ngoài công lập, tỷ lệ này còn thấp hơn rất nhiều.

**Hai là, một bộ phận khá lớn giảng viên có chức danh GS, PGS hoặc trình độ tiến sỹ đã trên tuổi 50.** Ở Trường ĐH Thương mại, có 49/99 giảng viên là tiến sỹ có độ tuổi từ 50 trở lên (chiếm tỷ lệ 49,5%); Số liệu tương ứng của Trường ĐH Ngoại thương là 15/46 tiến sỹ (chiếm tỷ lệ 32,6%); Trường ĐH kinh tế TP. HCM: 55/139 (chiếm tỷ lệ 39,6%); Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng: 6/37 (chiếm tỷ lệ 16,2%). Ở các trường ĐH kinh tế ngoài công lập, hầu hết giảng viên có chức danh GS, PGS và trình độ tiến sỹ đều trên tuổi 50.

**Ba là, một bộ phận khá lớn giảng viên chưa có**

**Bảng 1: Số lượng cán bộ nghiên cứu các trường đại học khối kinh tế - Quản trị kinh doanh<sup>3</sup> giai đoạn 2006 – 2010**

	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số cán bộ giảng viên	3243	3624	3763	4279	4279
Số lượng giáo sư	35	36	32	36	35
Số lượng phó giáo sư	183	178	192	216	221
Số lượng tiến sỹ	462	488	570	585	599
Số lượng thạc sỹ	1143	1226	1299	1391	1478

Nguồn: Bộ GD & ĐT, Kỷ yếu Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2006 – 2010 và phương hướng phát triển giai đoạn 5 năm 2011 – 2015. Hà Nội, 2011

bằng sau đại học và đa số giảng viên được đào tạo từ trong nước. Số liệu thống kê ở một số trường đại học khối kinh tế cho thấy, cho đến nay vẫn còn một số lượng khá lớn giảng viên mới có trình độ đại học. Số liệu cụ thể về số lượng và tỷ lệ giảng viên mới có trình độ cử nhân (tính đến đầu năm 2009) so với số giảng viên cơ hữu ở các trường như sau: Trường ĐH Thương mại: 237 gv, chiếm tỷ lệ 44,38%; Trường ĐH Ngoại thương: 185 gv, chiếm tỷ lệ 47,43%; Trường ĐH kinh tế TP.HCM: 186 gv, chiếm tỷ lệ 34,96%; Trường ĐH kinh tế Đà Nẵng: 63 gv, chiếm tỷ lệ 33,87%; Trường ĐH KTQD: 32 gv, chiếm tỷ lệ 5,0%. Hơn nữa, trong số giảng viên có bằng thạc sỹ và tiến sỹ, đa số được đào tạo từ trong nước. Bảng 2 cho thấy số lượng giảng viên của một số trường đại học phân theo nơi đào tạo.

**Bốn là, thiếu đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên nghiệp.** Do nhiều nguyên nhân (quy mô đào tạo tăng nhanh, kinh phí NCKH ít, thiếu động lực NCKH, v.v... nên đa số giảng viên ở các trường ĐH kinh tế phải tập trung vào nhiệm vụ giảng dạy. Một số trường đại học kinh tế đã thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu với mục tiêu là xây dựng những trung tâm nghiên cứu chuyên nghiệp, nhưng kết quả nghiên cứu của các viện, trung tâm này còn nhiều hạn chế. Số lượng cán bộ nghiên cứu ít, chưa thực sự trở thành một cơ quan nghiên cứu có chất lượng cao.

### 1.1.2. Chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu

#### 1.1.2.1. Trình độ ngoại ngữ

Ở nhiều trường đại học khối kinh tế, số lượng giảng viên có khả năng giảng dạy, trao đổi chuyên môn, đọc sách bằng tiếng nước ngoài vẫn còn rất khiêm tốn. Số lượng giảng viên có thể sử dụng ngoại ngữ để trao đổi trực tiếp hoặc đọc sách chuyên môn bằng tiếng nước ngoài cũng còn rất hạn chế.

Trong những năm gần đây, ở nhiều trường như Đại học KTQD, ĐH Ngoại thương, ĐH Thương mại, ĐH Kinh tế TP. HCM, ĐH kinh tế Đà Nẵng, v.v... đã mở các lớp đào tạo chất lượng cao, chương trình tiên tiến, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Các chương trình này chủ yếu hoặc được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, thực tiễn ở một số trường cho thấy, các chương trình tiên tiến, chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở nhiều trường ĐH kinh tế đang gặp khó khăn trong việc tuyển dụng giảng viên.

#### 1.1.2.2. Tình hình tham gia các hoạt động khoa học của đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu

Trong những năm gần đây, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học đã triển khai nhiều biện pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học trong

**Bảng 2: Số lượng giảng viên của các trường phân theo nơi đào tạo (tính đến 31/12/2008)**

STT	Giảng viên cơ hữu có học vị tiến sỹ và thạc sỹ	Tr. ĐH Thương mại	Tr.ĐH KT TP.HCM	Tr. ĐH Ngoại thương	Tr.ĐH KT Đà Nẵng
1	Số lượng tiến sỹ	99	151	46	37
	Trong đó: - Được đào tạo ở trong nước	70	123	12	21
	- Được đào tạo ở nước ngoài	29	28	34	16
2	Số lượng thạc sỹ	198	232	159	86
	Trong đó: Được đào tạo ở trong nước	126	190	45	50
	- Được đào tạo ở nước ngoài (kể cả GV được đào tạo theo các chương trình liên kết với nước ngoài)	72	42	114	36
3	Tổng số (1+2)	217	383	127	123

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của tác giả, 2010

**Bảng 3: Thống kê năng lực ngoại ngữ của giảng viên (tính đến 31/12/2008)**

STT	Năng lực ngoại ngữ của giảng viên	Trường ĐH Thương mại	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH KT TP.HCM	Trường ĐH KT Đà Nẵng	Trường ĐH KTQD
1	Tổng số giảng viên cơ hữu	534	390	532	186	639
2	Số lượng giảng viên có thể giảng dạy trực tiếp bằng tiếng nước ngoài	16	290	107	40	100
	Trong đó:					
	- Bằng tiếng Anh	7	212	107	22	90
	- Bằng các ngoại ngữ khác	9	78		18	10
3	Số lượng giảng viên có thể trao đổi chuyên môn bằng tiếng nước ngoài	55	290	103	60	170
	Trong đó:					
	- Bằng tiếng Anh	20	212	-	35	150
	- Bằng các ngoại ngữ khác	35			25	20
4	Số lượng giảng viên có thể đọc sách chuyên môn bằng tiếng nước ngoài	225	290	131	80	200
	Trong đó:					
	- Bằng tiếng Anh	150	212	-	55	170
	- Bằng các ngoại ngữ khác	75	78	-	25	30

Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát của tác giả, 2010

các trường đại học<sup>4</sup>. Số lượng giảng viên ở các trường đại học khối kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, ở nhiều trường, tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học vẫn còn thấp.

Số liệu ở bảng 4 là chưa phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên ở các trường đại học, do phạm vi NCKH của giảng viên bao gồm rất nhiều hoạt động khác nhau. Tuy nhiên, nếu chỉ xét trên giác độ chủ trì và tham gia trực tiếp vào các đề tài NCKH - một trong những hoạt động khoa học

**Bảng 4: Số lượng giảng viên một số trường đại học tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, năm học 2008 - 2009<sup>5</sup>**

STT	Nghiên cứu khoa học của giảng viên	Trường ĐH Thương mại	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH KT TP.HCM	Trường ĐH KT Đà Nẵng	Trường ĐH KTQD
1	Tổng số giảng viên cơ hữu	534	390	532	186	639
2	Số lượng giảng viên chủ trì các chương trình/dự án/đề tài NCKH	73	19	49	21	95
	Trong đó:					
	- Đề tài cấp Nhà nước và tương đương[1]	-	-	-	-	10
	- Đề tài cấp Bộ/tỉnh/thành phố và tương đương	23	15	28	13	45
	- Đề tài cấp Trường và tương đương	52	3	20	8	25
	- Đề tài khác	-	1	01	-	15
3	Số lượng giảng viên tham gia[2] các chương trình/dự án/đề tài NCKH	121	100	49	42	200
4	Tổng số GV chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp	194	119	98	63	295

[1]Tương đương cấp nhà nước là các chương trình, dự án, đề tài NCKH thực hiện nhiệm vụ hợp tác theo Nghị định thư

[2]Tham gia dưới giác độ là có Quyết định tham gia

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2009

chủ yếu của giảng viên, có thể nhận thấy rằng, số lượng giảng viên tham gia NCKH là rất ít. Theo số liệu ở trên, năm học 2008– 2009, Trường ĐH Thương mại có 36% giảng viên tham gia NCKH. Tỷ lệ tương ứng của Trường ĐH Ngoại thương là 30,5%, Trường ĐH kinh tế TP HCM là 18,4%, Trường ĐH kinh tế Đà Nẵng là 33,8%; và Trường ĐH KTQD là 46%. Như vậy, ngay cả ở những trường đại học có truyền thống về nghiên cứu khoa học, có đội ngũ cán bộ giảng viên đông đảo và đang có xu hướng phát triển thành trường đại học nghiên cứu, nhưng cũng chỉ có khoảng 30-45% số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Ở nhiều trường/khoa kinh tế ngoài công lập, tỷ lệ này còn thấp hơn rất nhiều hoặc thậm chí ở một số trường, hầu hết giảng viên không tham gia NCKH.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, số lượng giảng viên tham gia các hoạt động khoa học khác là rất khiêm tốn. Chẳng hạn, hàng năm, số giảng viên tham dự các hội thảo quốc tế ở ngoài nước là rất ít. Ở Trường ĐH kinh tế Đà Nẵng, hàng năm chỉ có khoảng 4 - 5 giảng viên được cử đi dự các hội thảo quốc tế. Số liệu này ở các trường như ĐH Ngoại thương, ĐH Kinh tế quốc dân, là khoảng 20– 30 giảng viên. Có nhiều trường đại học, hàng năm hầu như không có giảng viên nào tham dự hội thảo khoa học quốc tế ở trong và ngoài nước.

## **1.2. Kết quả thực hiện các đề tài NCKH của các trường đại học khối kinh tế, quản trị kinh doanh**

### **1.2.1. Số lượng các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học rất đa dạng, chỉ tính riêng đề tài nghiên cứu các cấp từ cơ sở trở lên thì trong những năm 2001-2005, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của 10 khoa/trường khối kinh tế<sup>6</sup> là 1.380 đề tài, trong đó có 12 đề tài cấp nhà nước, 547 đề tài cấp bộ, 761 đề tài cấp cơ sở, 60 đề tài hợp tác liên kết trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn 2006-2010, số lượng đề tài của các trường đại học khối kinh tế tiếp tục tăng lên. Ngoài các đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, v.v... được cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, số lượng đề tài do các trường hợp đồng với các địa phương, doanh nghiệp, đề tài cấp nhà nước và tương đương cũng tăng hơn so với giai đoạn trước. Kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đã được xuất bản. Theo số liệu của Bộ GD & ĐT<sup>7</sup>, trong giai đoạn 2006– 2010, ở 9 trường đại học khối kinh tế và QTKD<sup>8</sup>, đã thực hiện được 38 đề tài cấp nhà nước, 805 đề tài cấp Bộ, 1209 đề tài cấp cơ sở, 43 đề tài hợp tác quốc tế.

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, nhiều trường đại học kinh tế đã thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học quy mô lớn, thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Các trường cũng đã tổ chức các hoạt động tư vấn cho các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước, các địa phương và doanh nghiệp. Nhiều công trình khoa học đã được biên tập, công bố rộng rãi. Từ năm 2006 đến năm 2010, trung bình hàng năm, các trường đại học khối kinh tế thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 2-3 hội thảo khoa học cấp Bộ và cấp quốc gia.

### **1.2.2. Số lượng các sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình, bài báo khoa học và hội thảo khoa học**

Bảng 5 cho thấy số liệu sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình ở một số trường đại học khối kinh tế.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu của các trường đại học khối kinh tế đã góp phần quan trọng vào tư vấn hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế địa phương và doanh nghiệp. Nhiều đề tài nghiên cứu của các trường đại học kinh tế đã đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, góp phần quan trọng đổi mới tư duy lý luận kinh tế, giải quyết những vấn đề thực tiễn cấp bách cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Trong những năm đổi mới vừa qua, kết quả nghiên cứu khoa học kinh tế và quản trị kinh doanh ở các trường đại học khối kinh tế là nhân tố quyết định để đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, hình thành các ngành và môn học mới phù hợp với kinh tế thị trường. Một số đề tài cũng đã đi sâu nghiên cứu góp phần đổi mới về quản lý ngành giáo dục và đào tạo cả ở phạm vi quốc gia và nhà trường.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng, kết quả nghiên cứu của các trường đại học khối kinh tế nói chung là chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu cả về lý luận và thực tiễn. Các trường đại học khối kinh tế chưa thực sự trở thành những trung tâm nghiên cứu khoa học kinh tế mạnh của đất nước. Mặt khác, NCKH cũng mới chỉ tập trung ở một số ít trường. Ở nhiều trường/khoa kinh tế, NCKH chưa thực sự trở thành một trong hai nhiệm vụ chủ yếu của giảng viên và nhà trường nói chung; số lượng giảng viên, cán bộ NCKH còn ít, thiếu chuyên nghiệp và thiếu đội ngũ cán bộ khoa học đầu ngành. Do nhiều nguyên nhân, nên năng lực nghiên cứu khoa học của các trường kinh tế cũng chưa được phát huy đầy đủ.

### **2. Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường đại học khối kinh tế, quản trị kinh doanh**



**Bảng 5: Số lượng giáo trình, sách, bài báo khoa học, hội thảo khoa học của một số trường ĐH kinh tế, QTKD (tính trung bình hàng năm thời kỳ 2006 – 2009)**

STT		ĐH Thương mại	ĐH Ngoại thương	ĐH KT Đà Nẵng	ĐH KT TP. HCM	ĐH KTQD
1	Số giáo trình/tài liệu giảng dạy đã xuất bản	36	4	6	16	20
2	Số sách chuyên khảo/tham khảo đã xuất bản	2	5	3	5	12
3	Số bài báo đã đăng trên các tạp chí khoa học trong nước[1]	67	46	25	150	152
4	Số bài báo đã đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế	4	4	1	4	4
5	Số bài báo đã đăng trên các kỷ yếu hội thảo KH trong nước	103	150	35	80	85
6	Số bài báo đã đăng trên các kỷ yếu hội thảo KH quốc tế	85	30	4	8	2
7	Số buổi hội thảo KH trong nước do Trường tổ chức	1	11	1	6	12
8	Số buổi hội thảo KH quốc tế do Trường tổ chức	1	1	1	4	6

[1] Chỉ tính bài báo công bố trên các tạp chí có hội đồng khoa học biên tập

Nguồn: Số liệu các trường, năm 2009

Nâng cao năng lực nghiên cứu cho các trường đại học nước ta nói chung, các trường ĐH khối kinh tế nói riêng là nhiệm vụ lâu dài, với nhiều giải pháp đồng bộ. Trong phạm vi bài này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau đây.

#### 2.1. Tiếp tục đổi mới tổ chức quản lý hoạt động khoa học trong các trường đại học.

- Nâng cao năng lực quản lý và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý khoa học các cấp. Cán bộ quản lý khoa học, kể cả ở cấp Bộ, cấp trường phải được bố trí, tuyển dụng dựa theo các tiêu chí chủ yếu: Có khả năng nghiên cứu khoa học, có năng lực tổ chức các hoạt động khoa học, có khả năng phát hiện, tập hợp, thu hút được lực lượng nghiên cứu. Trên cơ sở đó, tùy thuộc vào từng nhiệm vụ của công tác quản lý khoa học để bố trí công việc thích hợp cho từng vị trí công tác. Các tiêu chí trên, cần phải được lượng hóa cho từng vị trí công tác thích ứng.

- Tiếp tục hoàn thiện các qui chế về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động khoa học ở các trường đại học.

Để công tác tổ chức, quản lý khoa học đạt kết quả tốt, hàng năm, Bộ và các trường đại học cần tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý khoa học các cấp. Nội dung của các lớp bồi dưỡng, tập huấn này không chỉ đơn thuần là phổ biến các văn bản pháp quy đã có về hoạt động khoa học, mà cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: Đánh giá công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học các cấp; rà soát, đánh giá các văn bản hiện hành, phát

hiện các văn bản, cơ chế chưa hợp lý; đề xuất các yêu cầu mới về công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học, góp ý xây dựng các văn bản mới đáp ứng với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học-công nghệ ở các trường đại học; đánh giá kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học-công nghệ năm trước và xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học trong giai đoạn mới.

- Quy định cụ thể nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên. Như đã nêu ở trên, để khắc phục tình trạng nhiều giảng viên không nghiên cứu khoa học, cần có các chính sách đồng bộ. Chúng tôi cho rằng, trước mắt cần thực hiện một biện pháp cụ thể sau:

+ Giảm dần quy mô đào tạo ở những trường phát triển theo hướng nghiên cứu, từng bước khắc phục tình trạng một số giảng viên phải giảng 1000- 1500 tiết/năm, không còn thời gian và sức lực để nghiên cứu khoa học.

+ Có chế tài chặt chẽ bắt buộc giảng viên nghiên cứu khoa học. Giảng viên tùy theo học vị, học hàm, hàng năm phải có sản phẩm khoa học. Ngày 18 tháng 11 năm 2008, Bộ trưởng Bộ GD & ĐT đã ban hành Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Quyết định này đã đề ra định mức thời gian làm việc cho giảng viên với từng nhiệm vụ cụ thể như giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Trong từng năm học, mỗi giảng viên phải công bố kết quả nghiên cứu khoa học tối thiểu bằng một bài báo trên tạp chí khoa học hoặc một đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu đạt yêu cầu. Tuy nhiên, để các quy

định này trở thành hiện thực, các trường đại học cần có chế tài cụ thể để khuyến khích và bắt buộc giảng viên nghiên cứu khoa học; đồng thời có biện pháp xử lý đối với giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH. Đây cũng đang là thách thức lớn đối với nhiều trường đại học trong điều kiện quá tải về giảng dạy và thiếu kinh phí cho NCKH.

+ Quy định các đề tài từ cấp cơ sở trở lên, phải công bố ít nhất một bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; đề tài cấp bộ trọng điểm phải xuất bản kết quả nghiên cứu.

+ Các trường đại học xây dựng quy định cụ thể để thực hiện Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT đối với giảng viên chủ trì và tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp; giảng viên có bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, kỹ thuật hội thảo khoa học; chủ biên hoặc tham gia viết sách, giáo trình,... được tính quy đổi thành giờ giảng và được tính vào khối lượng giảng dạy hàng năm.

- *Thực hiện các chính sách tạo động lực vật chất và tinh thần cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học.*

Thực thi chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến của các nhà khoa học, miễn hoặc giảm thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động NCKH. Ban hành quy chế khen thưởng, tôn vinh đối với tổ chức, cá nhân có thành tích NCKH; có chính sách sử dụng cán bộ khoa học giỏi đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn khả năng chuyên môn, sức khỏe và tâm huyết với nghề nghiệp. Xây dựng tiêu chí khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích NCKH. Chẳng hạn, giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, được thưởng 300- 500 USD/bài; giảng viên có sách xuất bản, được trường hỗ trợ kinh phí xuất bản,...

## 2.2. Tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học ở các trường đại học

Nghị quyết 14 năm 2005 của Chính phủ đã yêu cầu, hàng năm bố trí tối thiểu 1% ngân sách nhà nước để các cơ sở giáo dục đại học thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, cho đến nay, nguồn kinh phí đầu tư từ NSNN cho nghiên cứu khoa học ở các trường ĐH nói chung, các trường ĐH khối kinh tế nói riêng vẫn còn rất thấp. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho năng lực NCKH của các trường ĐH chưa được phát huy đầy đủ và hiệu quả chưa cao.

Đối với nguồn tài chính từ NSNN, trên cơ sở tăng tỷ lệ đầu tư của NSNN cho KH & CN nói chung, Nhà nước cần tăng nhanh tỷ lệ đầu tư tài chính cho NCKH ở các trường đại học, nhất là các trường đại học trọng điểm, các trường phát triển theo hướng

nghiên cứu.

Chính phủ, Bộ GD & ĐT có chính sách đề yêu cầu các trường đại học giành tỷ lệ nguồn vốn tự có của trường cho nghiên cứu khoa học. Mặt khác, các trường đại học cần đẩy mạnh huy động các nguồn kinh phí từ các tổ chức xã hội, các địa phương, doanh nghiệp cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

*2.3. Tập trung xây dựng một số trường đại học kinh tế phát triển mạnh theo hướng nghiên cứu và thực hiện đánh giá, xếp hạng năng lực và chất lượng NCKH của các trường đại học khối kinh tế.*

- Chính phủ, Bộ GD & ĐT cần đầu tư có trọng điểm để xây dựng một số trường đại học khối kinh tế đạt đẳng cấp quốc tế về năng lực nghiên cứu khoa học, xây dựng một số trường thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học kinh tế lớn của đất nước.

- Xây dựng tiêu chí định lượng để xác định trường đại học nghiên cứu. Theo chúng tôi, cần chú ý các tiêu chí sau: 1) số lượng cán bộ nghiên cứu, giảng viên của trường được trao các giải thưởng khoa học; 2) số lượng các bằng phát minh, sáng chế khoa học; 3) số lượng các bài báo được đăng ở các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế; 4) số bài báo được trích dẫn trong các công trình NCKH, 6) số lượng chuyên khảo/tham khảo đã xuất bản; 7) nguồn thu từ hoạt động KH và tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động khoa học/tổng nguồn thu của trường; 8) số lượng và tỷ lệ cán bộ khoa học trình độ cao/tổng số giảng viên; 9) số lượng đề tài NCKH các cấp; 10) các sinh viên cũ của trường được trao các giải thưởng khoa học; 11) chất lượng đầu vào của SV, học viên cao học, NCS; và 12) tỷ lệ SV/giảng viên, tỷ lệ NCS/SV hệ đại học.

- Trên cơ sở các tiêu chí đã được xác định, hàng năm cần tiến hành xếp hạng các trường đại học. Việc xếp hạng này cần được tiến hành một cách độc lập, khách quan.

*2.4. Phát triển các mô hình viện, trung tâm nghiên cứu và doanh nghiệp khoa học & công nghệ trong các trường đại học.* Việc phát triển các mô hình viện nghiên cứu, các đơn vị hoạt động KH&CN nhằm tạo nên sự chuyên môn hoá và đa dạng hóa trong các hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, chuyên giao; các hoạt động về dịch vụ KH&CN trên cơ sở tự chủ và tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình là một hướng đổi mới căn bản trong mô hình tổ chức hoạt động KH&CN của trường đại học. Kinh nghiệm cho thấy các mô hình tổ chức này có nhiều ưu điểm cơ bản: 1) được hưởng lợi từ uy tín của trường đại học; 2) hoạt động NCKH mang tính năng động hơn, kết hợp tốt được cả hai nhiệm vụ trọng yếu là đào tạo

và NCKH; 3) thu hút được nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học; và 4) tập trung được lực lượng nghiên cứu, thực hiện phối hợp triển khai NCKH một cách chuyên nghiệp.

2.5. *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH&CN.* Các trường đại học cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học bằng nhiều hình thức như: tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế, tham gia tích

cực vào các dự án nghiên cứu phối hợp giữa các trường đại học trong và ngoài nước; cử các nhà khoa học tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế; khuyến khích và tạo điều kiện cho các giảng viên viết bài công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế. Thông qua đó, từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu và học tập kinh nghiệm quốc tế về quản lý khoa học. □

1. Số liệu tháng 7 năm 2008.

2. Chỉ tiêu của Bộ GD & ĐT: Đến năm 2015 có 75 % GV ĐH có trình độ thạc sỹ và trên 50% GV ĐHCó trình độ TS. Thực tế năm học 2008– 2009, tỷ lệ GV có trình độ TS của cả nước mới chỉ đạt 10,16%; thạc sỹ: 37,31%.

3. Số liệu các trường: Trường Đại học KTQD, Trường Đại học kinh tế TP. HCM, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học kinh tế- Đại học Huế, Trường ĐH Kinh tế và QTKD– Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Mở TP. HCM, Khoa Kinh tế và quản lý xây dựng– Trường ĐH Xây dựng, Khoa Kinh tế- QTKD – Đại học Cần Thơ.

4. QĐ số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, Bộ GD & ĐT đã xác định 10 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên và định mức thời gian làm việc cho giảng viên ở các chức danh khác nhau.

5. Số liệu thống kê chưa đầy đủ.

6. Số liệu các trường: Trường Đại học KTQD, Trường Đại học kinh tế TP. HCM, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học kinh tế- Đại học Huế, Trường ĐH Kinh tế và QTKD– Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Mở TP. HCM, Khoa Kinh tế và quản lý xây dựng– Trường ĐH Xây dựng, Khoa Kinh tế- QTKD – Đại học Cần Thơ; Khoa Kế toán và QTKD, ĐH Nông nghiệp.

7. Bộ GD & ĐT, Kỳ yếu Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2006 – 2010 và phương hướng phát triển giai đoạn 5 năm 2011– 2015. Hà Nội, 2011.

8. Số liệu các trường: Trường Đại học KTQD, Trường Đại học kinh tế TP. HCM, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường ĐH Kinh tế và QTKD– Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Mở TP. HCM, Khoa Kinh tế và quản lý xây dựng– Trường ĐH Xây dựng, Khoa Kinh tế- QTKD– Đại học Cần Thơ; Khoa Kế toán và QTKD, ĐH Nông nghiệp.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.

2. Chiến lược phát triển KH & CN đến năm 2010 (QĐ số 272/2003/QĐ- TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Kỳ yếu Hội thảo Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học giai đoạn 2008-2020, Hà Nội, tháng 6/2008.

4. Bộ GD & ĐT: Kỳ yếu Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2006– 2010 và phương hướng phát triển giai đoạn 2011 – 2015, HN, 2011.

5. Trường Đại học KTQD: Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về kinh tế– quản trị kinh doanh trong các trường đại học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội”, HN, 1/2010.

6. Hoàng Văn Hoa (chủ nhiệm đề tài cấp Bộ trọng điểm, mã số B2006-06-30 TĐ): Vai trò của các trường đại học với sự phát triển của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam, Trường Đại học KTQD, 2008.

7. Hoàng Văn Hoa: Đổi mới tổ chức hoạt động khoa học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và đào tạo ở các trường đại học khối kinh tế và quản trị kinh doanh. Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về kinh tế– quản trị kinh doanh trong các trường đại học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội”, HN, 1/2010.